Ch6 - Sáu Pháp - V. Phẩm Dhammika (Dhammikavagga)

Kinh Tăng Chi Bộ (VNC PHVN, 2021)

CHƯƠNG VI. SÁU PHÁP 753

V PHẨM DHAMMIKA (DHAMMIKAVAGGA)

I. KINH CON VOI (Nãgasutta)52 (A. III. 344) 43. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anãthapindika. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sãvatthi đê khât thực. Sau khi đi khât thực ở Sãvatthi, ăn xong, trên con đường trở vê5 Ngài gọi Tôn giả Ảnanda: Này Ãnanda, chúng ta hãy đi đến Đông Viên, giảng đường của mẹ Migãra để nghỉ trưa. Thưa vâng9 bạch Thế Tôn. rin A _ _ 1 __ J. r FT^1_ Ạ FT^ Ạ • nrvi A rri A _ > _ r _ • nn A _ • 7 1 Ton gia Ananda vang dap The Ton. Roi The Ton cung với Ton giả Ananda đi đến Đông Viên, giảng đường của mẹ Migãra. Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy5 gọi Tôn giả Ãnanda: -Này Ãnanda, chúng ta hãy đi đến Pubbakotthakã để rửa tay, rửa chân. -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Ton gia Ananda vang dap The Ton. Roi The Ton cùng với Tôn giả Ãnanda đi đến Pubbakotthakã để rửa tay, rửa chân. Sau khi rửa tay, rửa chân ở Pubbakotthakã xong, Thế Tôn lên đứng trên bờ, đắp một tấm y, phơi tay chân cho khô. LÚC bấy ậiờ5 Seta, con voi của Vua Pasenadi nước Kosala, từ Pubbakotthaka đi ra, với nhiều tiếng các loại trống và nhạc lớn tiếng, dân chúng thấy vậy liền nói: "Oi đẹp đẽ thay, thưa các ngài, là con voi của vua! Đáng nhìn thay, thưa các ngài5 là con voi của vua! Thoải mái thay, thưa các ngài, là con voi của vua! Thân thể đầy đủ thay, thưa các ngài, là con voi của vua! Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!" Khi được nghe nói vậy9 Tôn giả Udãyĩ bạch Thế Tôn: Bạch Thế T6n, quần chúng do thấy con voi to lớn, đồ sộ? thân thể đẫy đà nên nói như sau: "Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!" Hay là thấy một cái gì khác to lớn, đồ sộ9 thân thể đẫy đà nên họ nói như vậy: "Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!" Này Udãyĩ, quân chúng do thây con voi to lớn, đô sộ, thân thê đây đà nên nói như sau: "Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!"

52 Tham chiếu: Long tượng kinh (T.02. 0026.118. 0608ỒỒ2).

754 KINH TĂNG CHI BỘ

Này Udãyĩ, quần chúng do thấy con ngựa... Này Udãyĩ, quần chúng do thấy con bò... Này Udãyĩ? quần chúng do thấy con rắn... Này ưdãyĩ? quần chúng do thấy cây... Này Udãyĩ, quần chúng do thấy con voi to lớn, đồ sộ? với thân thể đẫy đà nên nói như sau: "Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!"

Nhưng Ta tuyên bố rằng, này Udãyĩ9 trong thế giới chư Thiên với Ma giới,

Phạm thiên giới? và thế giới này với các Sa-m6n, Bà-la-môn9 chư thiên và loài người, ai không phạm một tội về thân, về lời? về ý nghi, người ấy, Ta nói rằng:

"Người ấy là con voi.,,

 Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thế

Tôn đã khéo nói như sau: “Này Udãyĩ, trong thế giới chư Thiên với Ma giới,

Phạm thiên giới, và thế giới này với các Sa-môn, Bà-la-môn9 chư thiên và loài người, ai không phạm một tội về thân, về lời5 về ý? người ấy, Thế Tôn nói rằng:
'Người ấy là con voi."‘
Bạch Thế Tôn, lời nói tốt đẹp này của Thế Tôn5 con xin tùy hỷ với những câu kệ như sau:
Là con người tự giác,
Tự nhiếp phục, được định,
Đang đi đường Phạm thiên?
Tâm tịnh tín, hoan hỷ,
Cùng tận tất cả pháp.
Vị ấy5 loài người kính,
Vị ấy, chư thiên trọng,
Vị ấy, con được nghe,
Là bậc A-la-hán.
Mọi kiết sử vượt qua,
Thoát rừng, đến Niết-bàn,
Hoan hỷ sống an ổn?
Rời khỏi các dục vọng5
Như vàng thoát đá sỏi.
Vòi ây rực chói sáng,
Chiếu sáng khắp tất cả,
Như ngọn núi Tuyết Sơn,
Cao hơn mọi núi đá?
Vị đạt chân, vô thượng,
Vượt tất cả loài voi.
Ta sẽ khen vị voi,
Không làm các tội phạm.
Nhu hòa và bất hại,
Là hai bàn chân trước.
Khổ hạnh và Phạm hạnh,
Là hai bàn chân sau.
CHƯƠNG VI. SÁU PHÁP 755

Lòng tin là vòi voi,
Trú xả đôi ngà trắng,
Niệm là cổ của voi.
Nếu có suy tư gì9
Là suy tư Chánh pháp.
Bụng là chỗ chứa pháp,53
Đuôi là sống viễn ly.

Vị ấy tu thiền định?
Hoan hỷ trong hơi thở9
Với nội tâm định tĩnh,
Khéo định tâm thiền định.
Voi đi lẫ hành thiền,
Vòi đứng là hành thiền,
Vòi nằm là hành thiền,
Vòi ngồi là hành thiền.
Vói hộ trì tất cả,
Đây viên mãn của voi.
Vòi ăn5 không phạm lỗi5
Có phạm lỗi không ăn5
Nhận được cơm và áo,
Quyết từ bỏ chất chứa,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Cắt đứt mọi trói buộc.
Chỗ nào VỊ ấy di,
Vị ấy đi không cầu,
Giống như bông hoa sen,
Sanh và lớn trong nước,
Không bị nước uế nhiễm,
Hương thơm đẹp ý người.53 54
Cũng vậy là đức Phật,
Khéo sanh, vượt khỏi đời,
Không bị đời uế nhiễm,
Như sen không dính nước,
Như lửa lớn cháy đỏ5
Không nhiên liệu? tự tắt.
Ai lắng dịu các hành,
Được gọi bậc Tịch tịnh?
Ví dụ này nhiều nghĩa,55

53 Samãtapo. Chủ giải viết samãvãpo. M. L 451 viết samãvătapako, có nghĩa phòng chứa đựng. Thag. viết samắsavo. 54 Xem 4 II. 39; Sn. 101. Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.990-991. 0257b26-0258a27). 55 Xem D I. 114; M II. 260.

Do bậc Trí thuyết giảng, Bậc voi lớn được biết, Lấy voi dạy cho voi. Bậc ly tham, ly sân, Ly si, không lậu hoặc, Vòi này từ bỏ thân, Nhập diet, không lậu hoặc. II. KINH MIGASÃLÃ (Migasãlãsutta)56 (A. III. 347) 44. Rôi Tôn giả Ananda vào buôi sáng, đăp y, câm y bát, đi đên trú xứ của nữ cư sĩ Migasãlã; sau khi đến, ngồi trên ghế đã soạn sẵn.

Ngồi xuống một bên5 nữ cư sĩ Migasãlã thưa với Tôn giả Ãnanda: Như thê nào, thê nào, thưa Tôn giả Ananda, cân phải hiêu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết: "Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai” Purãna, thân phụ của con, thưa Tôn giả5 sống Phạm hạnh, sống biệt lập, tránh xa dâm dục hạ liệt, khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: “Là bậc Dự Lưu sanh với thân ở Tusita (Đâu-suất)/5 Còn . : r y

Isidatta, cậu của con, thưa Tôn giả, sông không Phạm hạnh, tự băng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: “Là bậc Dự Lưu, sanh với thân ở Tusita." Như thê nào5 thê nào, thưa Tôn giả Ananda, cân phải hiêu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết: "C2 hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai"? Này chị, như vậy là câu trả lời của Thế Tôn.

Tôn giả Ananda sau khi nhận đô ăn khât thực tại nhà của nữ cư sĩ Migasălă, từ chô ngôi đứng dậy rôi ra đi. Rôi Tôn giả Ananda, sau bữa ăn5 trên con đường trở vê5 đi đen The Tôn; sau khi đen, đanh le The Tôn roi ngôi xuông một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tôn: Ở đây5 bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của nữ cư sĩ Migasãlã; sau khi đến, con ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Nữ cư sĩ Migasãlã đi đến con; sau khi đến9 đảnh lễ con rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Migasãlã thưa với con: “Nhu thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ãnanda, cần phải hiểu pháp này do Thê Tôn tuyên thuyêt: 'Cả hai sông Phạm hạnh và sông không Phạm hạnh đêu đông đăng vê sanh thú trong tương lai'? Purãna, thân phụ của con, thưa Tôn giả, sống Phạm hạnh, sống biệt lập, tránh xa dâm dục hạ liệt5 khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: 'Là bậc Dự Lưu sanh với thân ở Tusita/ Còn Isidatta, cậu của con, thưa Tôn giả, sông không Phạm hạnh, tự băng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: 'Là bậc Dự Lưu, sanh với thân ở Tusita/Như thế nào5 thế nào, thưa Tôn giả Ãnanda, cần phải hiểu pháp này do

%Xem4 V. 137ÍT.

CHƯƠNG VI. SÁU PHÁP 757

Thế Tôn tuyên thuyết: 'Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai'? Được hỏi vậy, bạch Thế T6n, con nói với nữ cư sĩ Migasãlã: 'Này chị5 như vậy là câu trả lời của Thê Tôn. —Nhưng này Ananda, ai là nữ cư sĩ Migasãlã lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ5 với trí như bà mẹ5 đê có thê hiêu biêt sự thăng liệt giữa các hạng người? Này Ãnanda, có sáu hạng người có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là sáu? Ở đây5 này Ãnanda, có người khéo tự chế ngự, dễ chung sống5 các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ sông chung. Vị ây nghe pháp không có tác động, học nhiêu không có tác động, không thể nhập vào tri kiến, không chứng đắc thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa5 không đi về thù thắng. Ở dây, này Ananda, có người khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ sông chung. Vị ây nghe pháp có tác động? học nhiêu có tác động, có thê nhập vào tri kiên5 có chứng đăc thời giải thoát. Người ây sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thù thắng, không

hướng về thối đọa5 chỉ đi đến thù thắng, không đi về thối đọa. Ở đây, này Ãnanda, những kẻ đo lường, đo lường như sau: "Những pháp ấy của vị này là như vậy, những pháp ấy của vị kia là như vậy, làm sao trong những hạng người này, có người hạ liệt5 có người là thắng dieu?^ Và do sự đo lường ấy, này Ananda, đối với những người đo lường là không hạnh phúc, là đau khổ lâu dài. Ở đây5 này Ananda, hạng người này5 khéo tự chế ngự? dễ chung sống, các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị này nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, thể nhập được vào tri kiến, chứng được thời giải thoát. Hạng người này, này Ananda, so sánh với hạng người trước là tiên bộ hơn, là thăng diệu hơn. Vì cớ sao? Vì dòng pháp đưa người này ra phía trước. Nhưng ai ngoài Như Lai có thê biêt được sự khác biệt? Do vậy5 này Ananda, chớ có làm người đo lường các hạng người, chớ có lấy sự đo lường của các hạng người. Này Ananda, tự• đào —hô cho mình là người 2 -í Ấ đi lây sự đo lường của các hạng• người. Chỉ có Ta, này Ananda, mới có thê lây sự đo lường của các hạng người, hay là người như Ta. Ở dây, này Ãnanda có hạng người đã chinh phục được phẫn nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng các tham pháp khởi lên; với người này, nghe pháp không có tác động5 học nhiều không có tác động5 không thể nhập tri kiến, không chứng được thời giải thoát. Hạng người này sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa5 không đi về thù thắng. Ở dây, này Ãnanda, có hạng người đã chinh phục được phẫn nộ và kiêu mạn5 nhxmg thỉnh thoảng các tham pháp khởi lên; với người này, nghe pháp có tác động, học nhiêu có tác động, có thê nhập tri kiên, có chứng được thời

giải thoát. Người ây sau khi thân hoại mệnh chung, hướng vê thù thăng, không hướng về thối đọa5 chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đọa. Nhưng ở đây, này Ãnanda, có hạng người đã chinh phục được phẫn nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng khẩu hành khởi lên; với người này, nghe pháp không có tác động? học nhiều không có tác động5 không thể nhập tri kiến, không chứng được thời giải thoát. Hạng n^ười này sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng ve thù thắng, chỉ đi đến thối đọa9 không đi đến thù thắng. Ở đây, này Ãnanda, có hạng người đã chinh phục được phẫn nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng khẩu hành khởi lên; với người này, nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động5 có thể nhập tri kiến, chứng được thời giải thoát. Hạng người này. sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thù thắng, không hướng vê thôi đọa, chỉ đi đên thù thăng, không đi đên thôi đọa. Ở đây9 này Ãnanda, những kẻ đo lường, đo lường như sau: "Những pháp ấy của vị này là như vậy? những pháp ấy của vị kia là như vậy, làm sao trong những hạng người này, có người là hạ liệt, có người là thắng dieu?" Và sự đo lườnẹ ấy, này Ananda, đối yới những người đo lường là không hạnh phúc, là đau khô lâu dài. ở dây, này Ãnanda, hạng người này khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị này nghe pháp có tác động, học nhiêu có tác động, thê nhập được vào tri kiên, chứng được thời giải thoát. Hạng người này, này Ananda, so sánh với hạng người trước là tiến bộ hơn, là thắng diệu hơn. Vì cớ sao? Vì dòng pháp đưa người này ra phía trước. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt? Do vậy? này Ananda, chớ có làm người đo lường

các hạng người, chớ có lấy sự đo lường của các hạng người. Này Ãnanda, tự đào hô cho mình là Ĩ1ẸUỜÌ đi lấy sự đo lường của các hạng người. Chỉ có Ta, này Ãnanda, mới có the lấy sự đo lường của các hạng người này, hay là người như Ta. Và này Ãnanda, ai là nữ cư sĩ Migasãlã lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ, với trí như bà mẹ9 để có thể biết sự thắng liệt giữa các người? Này Ãnanda, có sáu hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Giới như thế nào, này Ananda, Purãna được thành tựu, giới ấy Isidatta chưa thành tựu; do vậy ở đây5 Purãna có sanh thú khác với sanh thú của Isidatta. Tuệ như thế nào, này Ãnanda, Isidatta được thành tựu, tuệ ấy Purãna chưa thành tựu; do vậy? ở đây? Isidatta có sanh thú khác với sanh thú của Purãna. Như vậy, này Ãnanda, cả hai người này đều có thiếu sót một chi phần. III. KINH MẮC NỢ (Inasutta)51 (4 III. 351) 45. — Sự nghèo khô, này các Tỷ-kheo? có phải là một sự đau khô cho người có tham dục ở đời? Thưa vâng, bạch Thế Tôn.57

57 Bản tiếng Anh của PTS: The Debt, nghĩa là Mắc nợ. Tham chiếu: Tăng.(roi. 0125.125.06l4al3).

Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo9 không có sở hữu, sống túng thiêu, phải mắc nợ; mắc nợ ấy, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. - Khi một nạười nghèo khổ5 này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, sau khi măc nợ? phải chấp nhận tiền lời; tiền lời ấy, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, phải chấp nhận tiền lời, và khi thời hạn đên? không trả được tiên lời. người ta hôi thúc, đôc thúc người ây; sự hôi thúc, đôc thúc ây, này các Tỷ-kheo? có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời? -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, bị hối thúc, không trả được, người ta theo sát gót truy tìm người ấy; bị theo sát g6t, bị truy tim, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời? - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, bị theo sát gót? bị truy tìm? không trả nợ được, nệười ta bắt trói người ấy; sự bắt trói, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời? -Thưa vâng5 bạch Thế Tôn. Này các Tỷ-kheo, như vậy? nghèo khổ là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; mắc nợ cũng là một sự đau khô cho người có tham dục ở đời; tiền lời cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; bị hối thúc, đốc thúc cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; bị theo sát gót, bị truy tìm cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; bị bắt trói cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời. Cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 ai không có lòng tin trong các thiện pháp, không có lòng hổ thẹn trong các thiện pháp, không có lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện pháp, không có tinh tân trong các thiện pháp, không có trí tuệ trong các thiện pháp; người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người nghèo khổ? không có sở hữu, sống túng thiếu trong Luật của bậc Thánh. Nay chính người ấy, này các Tỷ-kheo? nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu, không có lòng tin trong các thiện pháp, không có lòng hổ thẹn trong các

thiện pháp, không có lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện pháp, không có tinh tân trong các thiện pháp, không có trí tuệ trong các thiện pháp, làm ác hạnh về than, làm ác hạnh vê lời, làm ác hạnh vê ý nghĩ. Ta gọi người ấy là người mắc nợ.

Người ấy do nhân che giấu ác hạnh về thân, khởi lên ác dục, muốn rằng: "Mong răng không ai biêt ta làm,\ suy nghĩ răng: "Mong răng không ai biêt ta lam", nói rằng: "Mong rằng không ai biết ta ISnT, cố gắng với tác động về thân, nghĩ rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm." Người ấy, do nhân che giấu ác hạnh về lời... ác hạnh về ý? khởi lên ác dục, muốn rằng: "Mong rằng không ai biết ta 1 m", suy nghĩ rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", nói rằng: "Mong răng không ai biêt ta làm", cô găng với tác động vê thân, nghĩ răng: "Mong răng không ai biết ta làm.,^ Đây, Ta gọi là tiền lời gia tăng. Và các vị đông Phạm hạnh thuân thành nói vê người ây như sau: "Tôn giả này có làm như vậy, có sở hành như vay." Bây, Ta nói rằng, người ấy bị hối thiic, đốc thúc, rồi đi đến rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống. Các ác, bất thiện tầm? câu hữu với hối lỗi hiện hành. Bây, Ta gọi là bị theo sát gót, bị truy tìm. Nay chính người ấy, này các Tỷ-kheo, nghèo khổ? không có sở hữu, sống túng thiếi^ sau khi làm ác hạnh về thân, sau khi làm ác hạnh về lời, sau khi làm ác hạnh về ý? khi thân hoại mệnh chung, bị trói buộc trong sự trói buộc của địa ngục, bị trói buộc trong sự trói buộc của loài bàng sanh. Và này các Tỷ-kheo? Ta không thấy một sự trói buộc nào khác lại khắc nghiệt như vậy, lại ác liệt như vậy? lại làm chướng ngại như vậy cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, này các Tỷ-kheo9 giống như sự trói buộc địa ngục hay sự trói buộc các loài bàng sanh. Nghèo khổ và mắc nợ9 Được gọi khổ ở đời. Kẻ bần cùng mắc nợ, Thọ dụng bị tổn hại. Rồi bị người truy lùng, Cho đến bị trói buộc, Trói buộc vậy là khô, Cho người cầu được dục. Như vậy trong Luật Thánh, Ai sống không lòng tin, Không xấu hổ5 sợ hãi5 Quyết định chọn ác nghiệp, Sau khi làm ác hạnh, về thân, lời và ý, Lại mong muôn được răng: "Chớ ai biết talàm.,, Người ấy khéo che giấu,58 Với thân, lời và ý?

58 Samsappati. AA. III. 377: Samsappatĩtỉparỉpphandatỉ ("Khéo che dấu" nghĩa là có ý lo sợ, trườn bò che giấu).

Làm tăng trưởng ác nghiệp,
Tại đây đó làm nữa.
Người ác tuệ, ác nghiệp,
Biêt việc ác mình làm,
Như kẻ nghèo mắc nợ,
Thọ dụng bị tổn hại.
Những tư tưởng khổ đau,
Sanh ra từ hối hận, vẫn truy tìm người ấy,
Ở làng hoặc ở rừng.
Người ác nghiệp, ác tuệ5

Biết việc ác mình làm,
Hoặc rơi vào bàng sanh,
Hoặc bị trói địa ngục.
Trói buộc này là khổ5
Bậc trí được giải thoát,
Ai tâm tịnh bố thí,
Với vật dụng đúng pháp,
Gieo cầu may hai đường.59
Tín tại gia tìm câu,
Hiện tại được hạnh phúc,
Đời sau được an lạc.
Như vậy tại gia thí,
Tăng trưởng các công đức.
Như vậy trong luật Thánh,
Tín tâm được an trú,
Có xấu hổ5 sợ hãi9
Có tn bảo hộ giới,
Bậc ấy trong luật Thánh,
Được gọi: usống an lạc.55 _ " r
Được lạc không vật chất5
An trú trên tánh xả.60
Từ bỏ năm triền cái,
Thường siêng năng, tinh cân,
Chứng thiền định, nhất tâm,
Thận trọng giữ chánh niệm.
Biết như thật là vậy,
Đoạn diệt mọi kiêt sử,
59 Ubhayattha kataggãha. Xem s. IV. 352; Thag. V. 462. 60 Chủ giải: Nói đến Thiền thứ ba và thứ tư.

762 KINH TĂNG CHI Bộ

Hoàn toàn không chấp thủ,
Chơn chánh tâm giải thoát,
Vơi chánh giải thoát ấy,
Nếu trí như vậy khởi:
“Bất động ta giải thoát,
Đoạn diệt hữu kiết sir."
Trí này, trí tối thượng,
Lạc này, lạc vô thượng,
Không sâu, không trân câu,

Được an ổn? (giải thoát),
Trạng thái không nợ này,
Được xem là tối thượng.
IV. KINH MAHÃCUNDA (Mahãcundasutta) (A. III. 355)
46. Như vây tôi nghe.
Một thời, Tôn giả Mahãcunda trú ở Ceti5 tại Sahajati. Tại dấy, Tôn giả Mahãcunda gọi các Tỷ-kheo:
Này các Hiền giả Tỷ-kheo!
Thưa Hiền giả!
Các Tỷ-kheo ây vâng đáp Tôn giả Mahãcunda. Tôn giả Mahãcunda nói như sau: -Ở đây, này chư Hiền, một số Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không ưa thích các Tỷ-kheo tu thiền, nói như sau: "Các n^ười này nói: 'Chúng tôi tu thiền, chúng tôi tu thiền.5 Họ tu thiên, họ hành thiên. Những người này thiền cái gì? Những người này thiền có lợi ích gì? Những người này thiền như thế no?" Ở đây? các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không có hoan hỷ và các Tỷ-kheo tu thiền cũng không hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Ở đây, nàỵ chư Hiền, một số Tỷ-kheo tu thiền không ưa thích các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp, nói như sau: "Các người này nói: 'Chúng tôi chuyên tâm về pháp, chúng tôi chuyên tâm về pháp.' Họ tháo động5 kiêu căng, dao động, lăm môm lăm miệng, phát ngôn bừa bãi, that niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng. Những người này chuyên tâm về pháp cái gì? Những người này chuyên tâm về pháp có lợi ích gì? Những người này chuyên tâm về pháp như thế nàp?" Ở đây, các Tỷ-kheo tu thiền không có hoan hỷ và các Tỷ-kheo chuyên tu về pháp cũng không hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiêu người, an lạc cho nhiêu người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Nhimg ở dây, này chư Hiền, có những Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp chỉ tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp, không tán thán các Tỷ-kheo tu thiền. Ở

đâỵ? các Tỷ-kheo chuyên tâm vê pháp không được hoan hỷ và các Tỷ-kheo tu thiền không được hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Nhưng ở dây, này chư Hiền, có những Tỷ-kheo tu thiền chỉ tán thán các Tỷ-kheo tu thiền, không tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp. Ở đay, các Tỷ-kheo tu thiền không được hoan hỷ và các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không được hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phiic, an lạc cho chư thiên và loài người. Do vậy5 này chư Hiền, cần phải học tập như sau: "Chúng ta là những người chuyên tâm về pháp, chúng ta sẽ tán thán các Tỷ-kheo tu thi2n." Này chư Hiền, chư Hiền cần phải học tập như vậy. Vì cớ sao? Thật vậy, này chư Hiên, những người vi diệu ây khó tìm được ở đời, những người cảm giác bất tử giới với thân và an trú. Do vậy, này chư Hiên, cân phải học tập

như sau: uChúng ta là những người tu thiền, chúng ta sẽ tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về phap/9 Nàỵ chư Hiền, chư Hiền cần phải học tập như vậy. Vì cớ sao? Thật vậy? này chư Hiền, những người vi diệu ấy khó tìm được ở đời, những người với trí tuệ thể nhập và thấy con đường thâm sâu hướng dẫn đến đích. V. KINH CHO ĐỜI NÀY THỨ NHẤT (PathamasandiḶḶhikasutta) (A. III. 356) 47. Rôi du sĩ ngoại đạo MoḶiyasĩvaka đi đên Thê Tôn; sau khi đên, nói với Thế Tôn những lời chao đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 du sĩ ngoại đạo MoḶiyasĩvaka bạch Thế Tôn: Pháp là thiết thực hiện tại, pháp là thiết thực hiện tại5 bạch Thế T6n, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thê Tôn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu? -Vậy này Sĩvaka, ở đây Ta sẽ hỏi ông, nếu ông có thể kham nhẫn thời hãy trả lời. Ông nghĩ thế nào? này Sĩvaka? Nội tâm có tham, ông có biết: "Nội tâm ta có tham,,; nội tâm không có tham, ông có biết: 6ẾNội tâm ta không có tham,, không? - Thưa có5 bạch Thế Tôn. -Này Sĩvaka, nội tâm có tham, ông có biết: "Nội tâm ta có tham,,; nội tâm không có tham5 ông có biết: "Nội tâm ta không có tham." Như vậy? này Sĩvaka, pháp là thiết thực hiện tại... Ông nghĩ thế nào5 này Sĩvaka? Nội tâm có sân... Ông nghĩ thế nào, này Sĩvaka? Nội tâm có si, ông có biết: "Nội tâm ta có si”; nội tâm không si, ông có biết: "Nội tâm ta không si" không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn. Này Sĩvaka, nội tâm có si, ông có biết: "Nội tâm ta có si"; nội tâm khôṆ có si, ông có biết: "Nội tâm ta không si." Như vậy5 này Sĩvaka, pháp là thiet thực hiện tại... Ông nghĩ thế nào, này Sĩvaka? Nội tâm có tham pháp61... hay nội tâm có sân pháp... hay nội tâm có si pháp, ông có biêt: "Nội tâm ta có si phap” không? Thưa c6, bạch Thế Tôn. -Hay nội tâm không có si pháp, ông có biết: "Nội tâm ta không có si ph"không? - Thưa có, bạch Thế Tôn. —Này Sĩvaka, nội tâm có si pháp, ông có biết: 66Nội tâm ta có si pháp”; hay nội tâm không có si pháp, ông có biết: "Nội tâm ta không có si pháp." Như vậy5 này Sĩvaka, pháp là thiêt thực hiện tại, không có thời gian, đến đê mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiêu. Thật vi diệu thay5 bạch Thế Tôn... Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. VI. KINH CHO ĐỜI NÀY THỨ HAI (DỉitiyasandiḶḶhikasutta) (A. III. 357) 48. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi dến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 vị Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn: Pháp là thiết thực hiện tại, pháp là thiết thực hiện tại, thưa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiêu? -Vậy này Bà-la-môn? ở đây Ta sẽ hỏi ông, nếu ông có thể kham nhẫn thời hãy trả lời. Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn, nội tâm có tham ái, ông có biết: uNội tâm ta có tham ải"; nội tâm không có tham ái, ông có biết: "Nội tâm ta khổng có tham ái" không? Thưa c6, thưa Tôn giả. Này Bà-la-môn5 nội tâm có tham ái9 ông có biết: uNội tâm ta có tham ái"; nội tâm không có tham ái5 ong có biết: "Nội tâm ta không có tham ái." Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiêt thực hiện tại...

Ong nghĩ thê nào, này Bà-la-môn? Nội tâm có sân... hay nội tâm có si... hay nội tâm có thân uế... hay nội tâm có khẩu uế... hay nội tâm có ý uế, ông có biết: "Nội tâm ta có ý uế"? Hay nội tâm không có ý uế, ông có biết: "Nội tâm ta không có ý uế"? Thưa c6, thưa Tôn giả. Này Bà-la-môn, nội tâm có ý uế, ông có biết: "Nội tâm ta có ý uế"; nội

61 Lobhadhamma: Tham pháp. Đây có nghĩa là có khả năng bị tham chi phối.

tâm không có ý uế, ông có biết: "Nội tâm ta không có ý ." Như vậy, này Bà- la-môn5 pháp là thiêt thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. -Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VII. KINH KHEMA (Khemasutta) (A. III. 358) 49. Một thời, Thế Tôn trú ở Sãvatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anãthapindika. Lúc bấy giờ5 Tôn giả Khema, Tôn giả Sumana trú ở Sãvatthi, tại rừng Andha. Rồi Tôn giả Khema và Tôn giả Sumana đi đến Thế Tôn; sau .ĩ - . r _ . _ ỉ 11* -X 4. V ĩ ĩ rrĩi A FT1 3 * A All T A • A /\ J i FT^ khi đen, đảnh le The Ton roi ngôi xuong một ben. Ngôi xuong một ben, Ton giả Khema bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã đoạn tận5 chánh trí giải thoát. Vị ấy không nghĩ rằng: "C6 người tốt hơn ta", hay: "C6 người giống như ta", hay: "C6 người hạ liệt hơn ta." Tôn giả Khema nói như vậy, bậc Đạo sư chấp nhận. Rồi Tôn giả Khema nghĩ rằng: "Thế Tôn đã chấp nhận ta." Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy5 đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Tôn giả Sumana, khi Tôn giả Khema ra đi không bao lâu, liền bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc5 Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã đoạn tận, chánh trí giải thoát. Vị ấy không nghĩ răng: “C6 người tôt hơn ta", hay: "C6 người giông như ta", hay: "C6 người hạ liệt hơn ta.” Tôn giả Sumana nói như vậy, bậc Đạo sư châp nhận. Rôi Tôn giả Sumana nghĩ rằng: “Thế Tôn đã chấp nhận ta." Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy5 đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi Thế Tôn, sau khi Tôn giả Khema và Tôn giả Sumana ra đi không bao lâu? liền bảo các Tỷ-kheo: —Như vậy9 này các Tỷ-kheo, các thiện nam tử nói lên chánh trí, có nói đến mục dích, nhưng không đề cập đến tự ngã.62 Tuy vậy, ở đây? một số kẻ ngu nói lên chánh trí một cách ngạo mạn đắc chí (hasamãnakã). Họ về sau rơi vào nguy hại.6364 Không thắng, không hạ liệt, Không ai đồng đẳng ta,64

62 Attho ca vutto attã ca anupaũĩto. Xem trang 201 trong bộ Kỉnh Tăng chỉ này. 63 Vìghãtam ãpạjjantĩtỉ. 64 Xem 5«* 184.

Những tư tưởng như vậy, Không chi phối các vị. Sanh khởi đã chấm dứt, Phạm hạnh được viên thành, Họ lìa bỏ kiết sử, Hoàn toàn được giải thoát. VIII. KINH PHÒNG Hộ CÁC CẢN ụndriyasamvarasutta)6566 (A. III. 360) 50. Với căn không phòng 110,66 này

các Tỷ-kheo, với ai khiếm khuyết phòng hộ các căn5 giới đi đến hủy hoại.67 Với giới không có, với ai khiếm khuyết về giới,68 chánh định đi đến hủy hoại. Với chánh định không c6, với ai khiếm khuyết chánh định5 tri kiến như thật đi đến hủy hoại. Với tri kiến như thật không có, với ai khiếm khuyết tri kiến như thật, nhàm chán, ly tham đi đến hủy hoại. Với nhàm chán, ly tham không c6, với ai khiếm khuyết nhàm chán5 ly tham, giải thoát tri kiến đi đến hủy hoại. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây với cành và lá khiếm khuyết, thời các chôi non không đi đên viên mãn, vỏ cây không đi đên viên mãn, giác cây không đi đên viên mãn5 lõi cây không đi đên viên mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với căn không phòng hộ, với người khiêm khuyêt phòng hộ các căn, giới đi đên hủy hoại... giải thoát tri kiên đi đên hủy hoại. Với các căn được phòng hộ, này các Tỷ-kheo? với người đầy đủ các căn được phòng hộ5 giới đi đến đầy đủ. Với giới có mặt, với người đầy đủ giới, chánh định đi đến đầy đủ. Với chánh định có mặt, với người đày đủ chánh định, tri kiến như thật đi đến đầy đủ. Với tri kiến như thật có mặt, với người đầy đủ tri kiến như that, nhàm chán5 ly tham đi đến đầy đủ. Với nhàm chán, ly tham có mặt5 với người đầy đủ nhàm chán, ly tham, giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ. Ví như, này các Tỷ-kheo9 một cây với cành và lá đầy đủ5 thời chồi non đi đến viên mãn, vỏ cây đi đến viên mãn? giác cây đi đến viên mãn, lõi cây đi đến viên mãn. Cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, với căn được phòng hộ5 với người đầy đủ phòng hộ các căn, giới đi đến đầy đủ... giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.

IX. KINH TÔN GIẢ ÃNANDA (Ânandasutta) (A. III. 361) 51. Rồi Tôn giả Ãnanda đi đến Tôn giả Sãriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sãriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào

65 Bản tiếng Anh của PTS: 77ze Senses, nghĩa là Các căn. Tham chiếu: Niệm kinh (T.01. 0026.44. 0485c22); Tàm quỷ kỉnh 26.45.46. 0486a05-21); Gỉơi kỉnh (T.01. 0026.47 48. 0486b23-c03); Cung kỉnh kỉnh (roi. 0026.49-50. 0486c21-0487al5); Tạp.(7.02. 0099.495. 0129a09). 66 Xem 4 III. 312. 67 Hatũpanỉsam. AA. ĨỈỈ. 381: Hatũpanỉsam hotĩtỉ hatũpanissayam hotỉ ("Bi đến hủy hoại" nghĩa là do có nguyên nhân khiến hủy hoại). 68 Vỉpanna, từ ngữ căn «pad, nghĩa là rơi xuống.

đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên5 Tôn giả Ãnanda thưa với Tôn giả Sãriputta: Cho đên như thê nào, thưa Hiên giả Sãriputta, Tỷ-kheo nghe pháp trước kia chưa được nghe, với pháp đã được nghe, không đi đến rối loạn;69 còn đối với các pháp trước kia tâm đã từng cảm xúc, chúng vẫn được hiện hành, và vị ấy biết được điều trước kia chưa biết? -Tôn giả Ãnanda là vị nghe nhiều, Tôn giả hãy nói lên!70 Vậy thưa Hiền giả Sãriputta, hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói. Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Sãriputta vâng đáp Tôn giả Ãnanda. Tôn giả Ãnanda nói như sau: Ở đây, thưa Hiền giả Sãriputta, Tỷ-kheo học thông suốt pháp5 tức la: Khế kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng (hay Trí giải). Vị ấy thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã

được nghe, như đã được học thông suốt. Vị ấy khiến cho các người khác nói pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Vị ấy tụng đọc pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Vị ấy với tâm tùy tàm? tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng* Tại trú xứ nào các Tỷ-kheo trưởng lão trú ở5 các vị nghe nhiều được trao truyền các tập A-hàm (Ẫgamà). bậc trì Pháp5 trì Luật, trì Toátyếu, tại các chỗ ấy, vị ấy an cư vào mùa mưa, thỉnh thoảng đi đến các Tôn giả ây; sau khi đến, phỏng vân, đặt các câu hỏi: “Thua Tôn giả? cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gi?” Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa được mở rộng, phơi bày những gì chưa được phơi bày, và đối với những đoạn sai khác, còn có chỗ nghi ngờ, các Tôn giả ấy giải thích các sự nghi ngờ. Cho đến như vậy, thưa Hiền giả Sãriputta, Tỷ-kheo nghe pháp chưa được nghe, với pháp đã được nghe, không đi đến rối loạn; còn đối với các pháp trước kia tâm đã từng cảm xúc, chúng vẫn được hiện hành, và vị ấy biết được điều trước kia chưa biết. Thật vi diệu thay, thưa Hiền giả! Thật hy hữu thay, thưa Hiền giả! Khéo nói cho đến như vậy9 chính là điều đã được Tôn giả Ãnanda nói lên. Và chúng tôi thọ trì rằng Tôn giả Ãnanda đã được thành tựu sáu pháp: Tôn giả Ãnanda học thông suốt pháp, tức là: Khế kinh, ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Tôn giả Ãnanda thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã nghe, như đã được học thông suốt. Tôn giả Ãnanda khiến cho các người khác nói lên pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Tôn giả Ãnanda đọc tụng pháp một cách rộng rãi, như đã được nghe, như đã được học một cách thông suốt. Tôn giả Ãnanda với tâm tùy tàm,

69 Na sammosam gacchantỉ. 70 Patibhãtu ãyasmatamyena ãnanda.

tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc 1011^. Tôn giả Ãnanda, tại trú xứ nào các Tỷ-kheo trưởng lão trú ở5 các vị nghe nhiều được trao truyền các tập Ẫgama. bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, tại các chỗ ấy, Tôn giả Ãnanda an cư vào mùa mua, thỉnh thoảng đến các vị ấy, sau khi đến, phỏng vấn, đặt các câu hỏi: "Thua Tôn giả? cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gi?” Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa được mở rộng, phơi bày những gì chưa được phơi bày, và đối với những đoạn sai khác, còn có chỗ nghi ngờ, các vị ấy giải thích các sự nghi ngờ.

X. KINH VỊ SÁT-ĐẾ-LỴ (Khattìyasutta)^ (A. III. 362) 52. Rồi Bà-la-môn Janussoni đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liên ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Bà-la-môn Janussoni bạch Thế Tôn: Đối với Sát-đế-lỵ, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gi, xu hướng cái gì, cứu cánh71 72 cái gì? Đối với Sát-đế-lỵ5 này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành9 sức mạnh là điêm tựa, xu hướng là trái dât, cứu cánh là tự tại. -Nhưng đôi với Bà-la-môn, thưa Tôn giả Gotama, mong muôn cái gi, cận hành cái gì5 điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì? Đôi với Bà-la-môn, này Bà-la-môn, tài sản là mong muôn, trí tuệ là cận hành, chú thuật là điểm tựa, tế tự là xu hướng, cứu cánh là Phạm thiên giới.

-Nhưng đối với gia chủ5 thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gi, cận hành cái gi, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì5 cứu cánh cái gì? —Đôi với gia chủ5 này Bà-la-môn, tài sản là mong muôn, trí tuệ là cận hành, nghề nghiệp là điểm tựa, công việc là xu hướng, thành tựu công việc là cứu cánh. Nhưng đối với nữ nhân, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì5 cận hành tận cái gì5 điểm tựa cái gì5 xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì? Đôi với nữ nhân, này Bà-la-môn? đàn ông là mong muôn5 trang điêm là cận hành, điểm tựa là con cái, không có địch thủ (asapatĩ) là xu hướng, tự tại là cứu cánh. Nhưng đối với người ăn trộm, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì? điểm tựa cái gi, xu hướng cái gì5 cứu cánh cái gì? Đôi với người ăn trộm, này Bà-la-môn? đô lây được là mong muôn, rừng rậm là cận hành, đao trượng là điêm tựa, tôi tăm là xu hướng? không bị thây là cứu cánh.

71 Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.37.8. 07Hà dục kinh (7.02. 0026.149. 0660c01). 72 Adhỉppãyã, upavỉcãrã, adhỉtthãnã, abhinivesã, pariyosãnã'. Mong muốn, cận hành (tư niệm), điểm tựa, xu hướng, cứu cánh.

Nhưng đối với Sa-môn, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì9 điểm tựa cái gì5 xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì? —Đối với Sa-môn, này Bà-la-môn? nhẫn nhục5 nhu hòa là mong muốn, trí tuệ là cận hành, giới hạnh là điểm tựa, không có sở hữu là xu hướng, Niết-bàn là cứu cánh. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama rõ biết mong muốn, cận hành, điểm tựa, xu hướng và cứu cánh của các Sát-đế-lỵ. Tôn giả Gotama rõ biêt mong muốn, cận hành, điểm tựa, xu hướng, cứu cánh của các Bà-la-môn... của các gia chủ... của các nữ nhân... của các người ăn trộm... của các Sa-môn. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung con xin trọn đời quy ngưỡng. XL KINH KHÔNG PHÓNG DẬT (Appamadasutta)73 (A. III. 364) 53. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên5 Bà-la-môn ây bạch Thê Tôn: Có một pháp nào, thưa Tôn giả Gotama, được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ấy bao trùm (samadhỉggayhă) và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai? Có một pháp, này Bà-la-môn? được tu tập, được làm cho sung mãn5 pháp ấy bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. -Một pháp ấy là gì5 thưa Tôn giả Gotama, được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ây bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai? Không phóng dật? này Bà-la-môn là một pháp được tu tap, được làm cho sung mãn, pháp ây bao trùm và an tru hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. Ví như, này Bà-la-môn, phàm có những dấu chân của các loài bộ hành nào, tât cả dâu chân ây đêu được thâu nhiêp (samodhãnam) trong dâu chân voi; dâu chân voi được gọi là tôi thăng trong các dâu chân ây; cũng vậy, này Bà-la- môn5 không phóng dật là một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ấy bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. Ví như này Bà-la-môn, trong một ngôi nhà có nóc nhọn,74 tất cả rui kèo đều hướng về nóc

nhọn5 thiên về nóc nhọn, quy tụ về nóc nhọn, nóc nhọn được gọi là tối thắng trong các vật ấy; cũng vậy, này Bà-la-môn, không phónệ dật... Ví nhu, này Bà-la-môn, người cắt cỏ9 trong khi cắt cỏ? sau khi túm lây đâu các ngọn cỏ5 liền lùa cỏ qua lại, giũ cỏ lên xuống và đập cỏ; cũng vậy, này Bà-la-môn, không phóng dật... Ví nhu, này Bà-la-môn5 nhánh cây có chùm xoài75 bị chặt đứt, tất cả

73 Tham chiếu: Giảo Đàm^dỉ kinh (roi. 0026.130. 0618b 18). 74 Xem 4 III. 9; V. 21; s. III. 156; V 43. 75 XemD. I. 46; s. III. 156; Vìsm. 356.

trái xoài dính với nhánh ấy đều bị chung một số phận với nhánh kia; cũng vậy? này Bà-la-môn... Ví như, này Bà-la-môn, phàm có các tiểu vương nào,7677 tất cả 78 đều tùy thuộc Vua Chuyển Luân; Vua Chuyển Luân được gọi là toi thắng trong các vị vua ấy; cũng vậy9 này Bà-la-môn... Ví như, này Bà-la-môn, ánh sáng của các vì sao,77 tất cả ánh sáng các ngôi sao không bằng giá trị một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng; ánh sáng của mặt trăng được gọi là tối thắng trong tất cả ánh sáng; cũng vậy? này Bà-la-môn, không phóng dật là một pháp được tu tập? được làm cho sung mãn, bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. Đây là một pháp, này Bà-la-môn, được tu tập, được làm cho sung mãn? pháp ấy bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. -Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. XIL KINH DHAMMIKA (Dhammikasuttd)1^ (4 III. 366) 54. Một thời, Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), tại Gijjhakuta (núi Linh Thứu). Lúc bấy giờ, Tôn giả Dhammika trú tại chỗ sanh trưởng của mình và có tât cả bảy trú xứ tại chô sanh trưởng ây. Tại đây, Tôn giả Dhammika đôi với các khách Tỷ-kheo5 mắng nhiếc (akkosatí), quở trách (paribhãsati), não hại (yihimsatỉ). châm biếm (yitudatí), khiến họ tức giận với những lời nói. Và các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, khiến họ tức giận với những lời nói? liền bỏ di, không có an trú và từ bỏ trú xứ. Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ như sau: "Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y áo, đồ ăn khất thực? sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhưng các khách Tỷ-kheo lại bỏ di, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Do nhân gì, do duyên gi, các khách Tỷ-kheo lại bỏ di, không có an trú, từ bỏ trú xứ?" Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ: "C6 Tôn giả Dhammika này mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo9 quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách? não hại9 châm biếm9 làm cho tức giận với những lời nói, nên bỏ di, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Vậy chúng ta hãy mời Tôn giả Dhammika đi chỗ khác." Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng đi đến Tôn giả Dhammika; sau khi đến? thưa với Tôn giả Dhammika: "Thua Tôn giả, Tôn giả Dhammika hãy từ bỏ trú xứ này? Tôn giả trú ở đây đã vừa đủ r8i."

76 XemA. V. 22; M. III. 173; s. V. 44. 77Xem^.IV. 151; 19; J. V. 63. 78 Tham chiếu: A-lan-na kỉnh (roi. 0026.160. 0682Ồ10).

Rồi Tôn giả Dhammika từ bỏ trú xứ ấy, đi đến một trú xứ khác. Tại dấy, Tôn giả Dhammika mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo5 quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với những lời nói. Và các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắnệ nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với những lời nói5 liền bỏ di, không an trú, từ bỏ trú xứ. Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ như sau: "Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhưng các khách Tỷ-kheo lại bỏ di, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Do nhân gì, do duyên gi, các khách Tỷ-kheo lại bỏ di, không có an trú, từ bỏ trú xứ?" Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ: "Có Tôn giả Dhammika này măng nhiêc các khách Tỷ-kheo, quở trách, não hại, châm biêm, làm họ tức giận với những lời nói. Các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói9 nên bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Vậy chúng ta hãy mời Tôn giả Dhammika đi đến chỗ khác,,, Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng đi đến Tôn giả Dhammika; sau khi đến? thưa với Tôn giả Dhammika: "Thua Tôn giả, Tôn giả Dhammika hãy từ bỏ trú xứ này, Tôn giả trú ở đây đã vừa đủ rồi" Rồi Tôn giả Dhammika từ bỏ trú xứ ấy, đi đến một xứ khác. Tại dấy, Tôn giả Dhammika mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Và các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với những lời nói, lien bỏ di, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởnệ suy nghĩ như sau: :Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng can thiết như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh5 nhưng các khách Tỷ-kheo lại bỏ di, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Do nhân gì, do duyên gi, các khách Tỷ-kheo lại bỏ di, không có an trú, từ bỏ trú xứ?" Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ: "C6 Tôn giả Dhammika này mắng nhiếc, quở trách, não hại5 châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời Ĩ16Ì, nên bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Vậy chúng ta hãy mời Tôn giả Dhammika rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng." Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng đi đến Tôn giả Dhammika; sau khi đến, nói với Tôn giả Dhammika: "Thua Tôn giả, Tôn giả Dhammika hãy rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng.,^ Rồi Tôn giả Dhammika suy nghĩ: "Ta đã bị các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng mời rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng. Nay ta sẽ đi đến chỗ nào? Ta hãy đi đến The Ton?9 Rồi Tôn giả Dhammika cầm y bát ra đi, hướng đến Rãjagaha? dan dan đi đến Gijjhakuta tại Rậjagaha; sau khi đến5 đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Dhammika đang ngồi một bên: Này Bà-la-môn Dhammika, ông đi từ đâu đến?

-Bạch Thế Tôn5 con bị các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng mời rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng. Thôi vừa rồi, này Bà-la-môn Dhammika. Sự việc này, đối với ông có hề hấn ệi. Dầu họ có mời ông từ bỏ tại chỗ nào? chô nào5 sau khi đã từ bỏ chỗ ấy, cho ây, ông đã đi đen gân Ta. Trong quá khứ, này Bà-la-môn Dhammika, các nhà buôn

đường biển đem theo một con chim đê tìm bờ, khi họ đi tàu ra biên. Khi chiêc tàu ra xa, khônệ thấy bờ, họ thả con chim đi tìm bờ. Con chim bay vê hướng Đông5 bay vê hướng Tây, bay về hướng Bắc, bay về hướng Nam5 bay về hướng trên? bay yề hướng gió. Nấu nó thấy bờ xung quanh, nó liền bay luôn; nếu nó không thấy bờ xung quanh, nó bay trở lại tàu. Cũng vậy, này Bà-la-môn Dhammika, dầu họ có mời ông từ bỏ tại chỗ nào, chỗ nào, sau khi đã từ bỏ chỗ ấy? chỗ ấy5 ông đã đi đến gần Ta. Thuở xưa, này Bà-la-môn Dhammika, Vua Koravya có một cây bàng chúa tên là Suppatittha, cây này có năm cành, có bóng mát dịu, rất là khả ý. Này Bà-la-môn Dhammika, cây bàng chúa Suppatittha tỏa rộng ra đến mười hai do-tuân5 các rễ mọc lan rộng đên năm do-tuân. Này Bà-la-môn Dhammika, cây bàng chúa Suppatittha có những trái cây to lớn, lớn như những cái nồi con, những trái cây ngọt lịm như vậy trong sáng và ngọt như mật ong. Này Bà-la- môn Dhammika, vua với các cung nữ hưởng thụ một cành cây của cây bàng chúa Suppatittha; quân đội hưởng thụ một cành; các dân chúng và quốc độ hưởng thụ một cành; các Sa-môn, Bà-la-môn hưởng thụ một cành; các loài thú5 loài chim hưởng thụ một cành. Này Bà-la-môn Dhammika, không có ai phòng hộ các trái của cây bàng chúa Suppatittha, và không có ai hại nhau vì trái cây. Rồi này Bà-la-môn Dhammika, một người sau khi đã ăn hết cho đến thỏa thích những trái của cây bàng chúa Suppatittha, liền bẻ gãy một cành rồi bỏ đi. Rồi này Bà-la-môn Dhammika, vị thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha suy nghĩ như sau: "Thật kỳ la thay, thưa Tôn giả! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả! Con người lại ác cho đên như vậy. Sau khi ăn cho đên thỏa thích các trái của cây bàng chúa Suppatittha, lại bẻ một cành rồi bỏ đi. Vậy cây bàng chúa Suppatittha hãy đừng sanh trái nữa trong tương lai." Rồi này Bà-la-môn Dhammika, cây bàng chúa Suppatittha không sanh trái nữa trong tương lai. Rồi này Bà-la-môn Dhammika, Vua Koravya đi đến Thiên chủ Sakka; sau khi đến? thưa với Thiên chủ Sakka: "Tôn giả có biết không, cây bàng chúa Suppatittha không sanh trái nữa!" Rồi này Bà-la-môn Dhammika, Thiên chủ Sakka thực hiện thân thông khiên cho mưa to gió lớn khởi lên, làm cây bàng chúa Suppatittha ngã xuống và bật gôc rễ. Này Bà-la-môn Dhammika, vị thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha khổ đau5 sầu muộn, nước mắt đầy mặt5 khóc lóc9 đứng một bên. Này Bà-la-môn Dhammika, rồi Thiên chủ Sakka đi đến vị thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha; sau khi đến, nói với vị thiên trú ở cây bàng chúa Suppatittha như sau:

CHƯƠNG VI. SÁU PHÁP « 773

"Vi sao, này vị thiên kia, ông lại khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc lóc, đứng một bên?^, “Thua Tôn giả, có cơn mưa to, gió lớn khởi lên, làm cho chỗ trú xứ của con bị ngã xuống và bật gốc rễ lên.,, "Này vị thiên kia, có phải ông đang gìn giữ cây pháp (rukkhadhamma). nhưng cơn mưa to lớn ấy nổi lên làm trú xứ của ông bị ngã xuống và bật gốc rễ len?99 "Làm thế nào, thưa Tôn giả5 một cây được gìn giữ như một cây pháp?” "d đây, này vị thiên kia, những người cần rễ đến lấy rễ cây di, những người cần vỏ đến lấy vỏ cây di, những người cần lá đến lấy lá di, những người cần bônẹ đên lây bông di, những người cân trái đên lây trái đi; như vậy5 không có gì để khiến cho một vị thiên phải không hoan hy, không vui vẻ. Như vậy là một cây được gìn giữ như một cây pháp.” "Thưa Tôn giả5 con không gìn giữ một cây pháp5 khi cơn mưa to lớn ấy nổi lên5

làm chỗ trú xứ của con ngã xuống và bật gốc rễ lOn." "Này vị thiên kia, nếu ông gìn giữ cây pháp, thời trú xứ của ông sẽ trở lại như xưa.59 "Thua Tôn giả, con sẽ gìn giữ cây pháp, mong răng trú xứ của con trở lại như xua.” Rồi Thiên chủ Sakka thực hiện thần thông khiến cho mưa to, gió lớn đến dựng đứng lại cây bàng chúa và chữa lành những rễ cây. Cũng vậy5 này Bà-la-môn Dhammika, ông có gìn giữ Sa-môn pháp khi các người cư sĩ tại chỗ sanh trưởng mời ông đi khỏi bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng không? Như thế nào, thưa Tôn giả, là một Sa-môn gìn giữ Sa-môn pháp?

-Như thê này, này Bà-la-môn Dhammika, ở đây, một Sa-môn không có mắng nhiếc lại người đã mắng nhiếc minh, không có tức giận người đã tức giận minh, không có quở trách79 người đã quở trách mình. Như vậy, này Bà-la-môn Dhammika, là vị Sa-môn gìn giữ Sa-môn pháp. —Thưa Tôn giả, con không gìn giữ Sa-môn pháp khi những người cư sĩ ở tại chỗ sanh trưởng mời con đi khỏi hoàn toàn bảy trú xứ trong chỗ được sanh trưởng. -Thuở xua, này Bà-la-môn Dhammika, có một ngoại đạo sư tên là Sunetta (Diệu Nhãn) đã viễn ly các dục. Này Bà-la-môn Dhammika, ngoại đạo sư Sunetta có hàng trăm đệ tử. Ngoại đạo sư Sunetta thuyết pháp về cộng trú tại Phạm thiên giới cho các đệ tử. Những ai nghe ngoại đạo sư Sunetta thuyết giảng về cộng trú tại Phạm thiên giới? này Bà-la-môn Dhammika, tâm không được hoan hỷ5 các người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ,

79 Patibhandati. Xem 4 II. 215.

địa n^ục. Còn những ai, này Bà-la-môn Dhammika, nghe ngoại đạo sư Sunetta thuyêt giảng về cộng trú tại Phạm thiên giới, tâm được hoan hỷ? các người ây sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Thuở xưa, này Bà-la-môn Dhammika, có ngoại đạo sư tên là Mũgapakkha... có ngoại đạo sư tên là Aranemi... có ngoại đạo sư tên là Kuddãlaka... có ngoại đạo sư tên là Hatthipãla... có ngoại đạo sư tên là Jotipala đã viễn ly các dục... được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Ông nghĩ thế nào, này Bà-la- môn Dhammika, đối với sáu ngoại đạo sư này đã viễn ly các due, hay đối yới chúng đệ tử hàng trăm hội chúng của những vị ấy5 ai với tâm uế nhiễm, mắng nhiếc, quở trách, như vậy có sanh khởi ra nhiều vô phước không? Thưa có, bạch Thế Tôn.

Thật vậy, này Bà-la-môn Dhammika, đôi với sáu ngoại đạo sư này đã viên ly các dục, hay đối với chúng đệ tử hàng trăm hội chúng của những vị ấy, ai với tâm uế nhiễm, mắng nhiếc, quở trách, có sanh khởi ra nhiều vô phước. Còn ai, đối với vị đầy đủ chánh kiến, với tâm uế nhiễm, mắng nhiếc, quở trách, như vậy sanh khởi ra nhiêu vô phước hơn nữa. Vì cớ sao? Ta tuyên bô răng, này Bà-lamôn Dhammika, sự tổn hại đối với các ngoại đạo sư như vậy không bằng sự tổn hại nếu đối xử với các vị đồng Phạm hạnh. Do vậy? này Bà-la-môn Dhammika, cần phải học tập như sau:

"Chúng tôi sẽ không có tâm uế nhiễm đối với vị đồng Phạm hạnh/9 Này

Bà-la-môn Dhammika, các ông cần phải học tập như vậy.

Các vị Bà-la-môn?

Như Sư Sunetta,
Sư Mũgapakkha,
Và Aranemi,
Sư Kuddãlaka,
Và Hatthipãla,
Sư Jotipãla5
Và Sư Govinda,
Là Quốc sư thứ bảy.
Sáu sư bạn vị này,
Là những vị danh tiếng,
Quá khứ không hại ai,
Thoát hôi hám9 từ bi,
Giải thoát dục kiết sử,
Thoát ly tham ái dục?
Đạt được Phạm thiên giới, vằ các hàng đệ tử,
Con số lên hàng trăm,
Thoát hôi hám, từ bi,
Giải thoát dục kiết sử,

Thoát ly tham ái dục,
Đạt được Phạm thiên giới.
Ẩn sĩ ngoại đạo ấy,
Ly tham, tâm thiền định,
Nếu với tâm uế nhiễm,
Có ai măng nhiêc họ5
Người như vậy tạo ra?
r y
Rât nhiêu sự vô phước.
Đối một đệ tử Phật,
Tỷ-kheo có chánh kiến,
Nếu với tâm uế nhiễm,
Có ai mắng vị ấy,
Người như vậy tạo ra,
Nhiều vô phước hơn nữa.
Chớ phật lòng bậc thiện,
Hãy từ bỏ kiến xứ,8
Tối thượng trong Thánh chúng,
Vị ấy được gọi vậy.
Ai chưa ly các dục,80

81
Năm căn còn mềm dịu,8283
Tín, niệm và tinh tân,
Với chỉ và với quán,
Nếu phật ý vị ấy,
Trước hết tự hại mình,
Sau khi tự hại mình,
Lại hại đến người khác.
Ai tự bảo vệ mình,
Bề ngoài cũng bảo ve,83
Do vậy bảo vệ mình,
Bạc trí không tổn hại.
80 Chỉ cho bậc A-la-hán. 81 Chỉ cho bậc Bất Lai. 82 A. II. 151, chỉ cho bậc Nhất Lai. 83 A. III. 373: Akkhato. AA. III. 388: Akkhatotỉ gunakhananena akkhato anupahato hutvã (ÍSKhông tổn hại" nghĩa ỉà không bị phá hoại, không bị chỉ tnch do sự soi mói về đức hạnh).

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.